

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2024/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 158/2023/TLST-DS “Tranh chấp chia thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ngày 21 tháng 12 năm 2023; văn bản đồng ý với kết quả hòa giải thành ngày 12.01.2024 của bà Nguyễn TH.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Bên vắng mặt tại phiên hoà giải đã được Thông báo kết quả hòa giải thành và có văn bản đồng ý với kết quả hòa giải thành.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn TL**, sinh năm 19**; căn cước công dân số 0011***** do Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10 tháng * năm 20**; Nơi thường trú: Số *** phố C, phường T, quận X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ HV**, sinh năm 19**, Căn cước công dân số 0010***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04.**.20**.

1.2. **Bi đơn**: Bà **Nguyễn TD**, sinh năm 19**; căn cước công dân số 0011***** do Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

ngày 16 tháng * năm 20**; Nơi thường trú: Số *** phố C, phường T, quận X, thành phố Hà Nội.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông **Đỗ HL**, sinh ngày **/10/19**; căn cước công dân số 001***** do Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03 tháng * năm 20**; Nơi thường trú: Số *** phố C, phường T, quận X, thành phố Hà Nội.

1.3.2. Cháu **Đỗ MT**, sinh ngày 22.**.20**; căn cước công dân số 001***** do Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13 tháng ** năm 20**; Nơi thường trú: Số *** phố C, phường T, quận X, thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn TD là người giám hộ đại diện.

1.3.3. Bà **Nguyễn TH**, sinh năm 19**; căn cước công dân số 001***** do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/*/20**. Nơi thường trú: Căn hộ *****, Dự án X, phường T, quận X, thành phố Hà Nội.

1.3.4. Ông **Nguyễn ĐT**, sinh năm 19**; Căn cước công dân số 001***** ; Nơi thường trú: Số nhà ** phố Đ, phường G, quận C, thành phố Hà Nội.

3.5. Bà **Lê TH**, sinh năm 19**; Căn cước công dân số 001*****; Nơi thường trú: Số nhà ** phố Đ, phường G, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về thời điểm mở thừa kế và người thừa kế:

Ông Đỗ S (chết năm 2018). Thời điểm mở thừa kế năm 2018. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có: bà Nguyễn TL (mẹ đẻ), bà Nguyễn TD (vợ) và 02 con là: Đỗ HL và Đỗ MT.

2.2. Về di sản thừa kế: Di sản của ông Đỗ S là phần tài sản nằm trong khối tài sản chung vợ chồng với bà Nguyễn TD là: Quyền sử dụng 30,0m2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc: thửa số 103(1P), tờ bản đồ số 6E-IV-36; Địa chỉ: Số ***B phố C, phường T, quận X, thành phố Hà Nội; đã được Ủy ban nhân dân quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 102032 ngày 30.6.2014 đứng tên Nguyễn TD và Đỗ S; đã được cấp đổi theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 212282 lập ngày 07.5.2021 tại Văn phòng công chứng Việt thành phố Hà Nội là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 20; Địa chỉ: Số ***B phố C, phường T, quận X, thành phố Hà Nội theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 888663 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18.5.2021, chủ sử dụng: ông Đỗ HL. Các bên thống nhất giá trị tài sản là: 2.850.000.000 đồng.

2.3. Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xong. Bà Nguyễn TD, ông Đỗ HL đã thanh toán cho bà Nguyễn TL kỹ phần thừa kế bằng tiền.

2.4. Bà Nguyễn TL tự nguyện rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã đăng ký biến động.

Đình chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã đăng ký biến động của bà Nguyễn TL.

2.5. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số công chứng 2340/2023/HĐCN ngày 19/9/2023 giữa bên chuyển nhượng: ông Đỗ HL, bên nhận chuyển nhượng: Ông Nguyễn ĐT, bà Lê TH, công chứng tại Văn phòng công chứng Hùng Vương là hợp đồng hợp pháp. Ông Đỗ HL đã bàn giao toàn bộ nhà và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu cho ông Nguyễn ĐT, bà Lê TH.

Ông Nguyễn ĐT, bà Lê TH được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, sang tên ông Nguyễn ĐT, bà Lê TH quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 888663 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18.5.2021 cho ông Đỗ HL theo đúng quy định của pháp luật.

2.6. Về án phí: Miễn án phí cho bà Nguyễn TL.

Ông Nguyễn ĐT, bà Lê TH phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0022897 ngày 28.12.2023 tại Cục thi hành án thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn ĐT, bà Lê TH đã nộp xong tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phương Thảo